

Bản án số: 09/2021/HS-ST
Ngày 22- 3 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tình

2. Ông Vi Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Trần Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Nông Văn T - sinh ngày 16 tháng 10 năm 1999 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm N, xã A, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn D - sinh năm 1973 và bà Lý Thị V - sinh năm 1970; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 15/11/2020, chuyển tạm giam ngày 24/11/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

+Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Đăng M - sinh năm 1981. Trú tại: Khu dân cư N, phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 15/11/2020, tại khu vực cổng nhà nghỉ A thuộc khu L, xã Hà T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ tổ công tác của đội Cảnh sát điều tra tội

phạm về kinh tế - ma túy Công an thị xã P phát hiện, bắt quả tang Nông Văn T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổ công tác tiến hành kiểm tra và thu giữ trong tay trái của T 01 túi nilon màu trắng, bên trong túi nilon có 09 gói giấy nhỏ mặt ngoài đều màu vàng, mở 09 gói giấy ra thấy mặt trong đều có màu trắng, bên trong cả 09 gói giấy này đều chứa chất bột, cục màu trắng. Ngay tại nơi kiểm tra, Nông Văn T khai nhận 09 gói giấy chứa chất bột, cục màu trắng trên là ma túy heroine, T tàng trữ với mục đích để sử dụng cho bản thân. Ngoài ra tổ công tác còn thu giữ của T: 01 chiếc xi lanh nhựa màu trắng, loại 3ml/cc, đã qua sử dụng, bên trong xi lanh có bám dung dịch màu hồng; 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG màu trắng, đã qua sử dụng, số IMEI: 3524036848708, kèm 02 thẻ sim có số thuê bao 0387449532 và 0337853471 và 360.000đ (Ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổ công tác đã niêm phong 09 gói giấy chứa chất bột, cục màu trắng thu của T vào một bì giấy số 01 dán kín và niêm phong chiếc xi lanh nhựa màu trắng, loại 3ml/cc, đã qua sử dụng, bên trong xi lanh có bám dung dịch màu hồng vào trong bì giấy số 02 dán kín, có chữ ký của các thành phần liên quan theo quy định. Ngay sau đó, T tự giác khai nhận vừa bán 03 gói ma túy heroine cho Nguyễn Đăng M với giá 300.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã xác minh, làm rõ hành vi bán ma túy của Nông Văn T như sau: Khoảng 20 giờ ngày 14/11/2020, Nguyễn Đăng M sử dụng số điện thoại 0984176655 gọi đến số điện thoại 0387449532 của T để hỏi mua ma túy Heroine, T đồng ý và bảo M sáng hôm sau gọi cho T. Đến khoảng gần 07 giờ sáng ngày 15/11/2020, M gọi điện cho T và hỏi mua 500.000 đồng ma túy heroine, T đồng ý và hẹn gặp M ở khu vực gần nhà nghỉ A thuộc khu L, xã H, thị xã P, T cầm 01 túi nilon màu trắng bên trong có 12 gói ma túy heroine mang đi bán cho M. Một lúc sau M ra đến điểm hẹn gọi cho T, T cầm gói ma túy đi ra điểm hẹn gặp M, M nói chỉ có 300.000 đồng rồi đưa tiền cho T và T đưa lại cho M 03 gói ma túy. M cầm gói ma túy đi sử dụng, còn 09 gói ma túy T cầm trong tay rồi đi bộ về trước nhà nghỉ A thì bị tổ công tác Công an thị xã P phát hiện bắt quả tang.

Căn cứ lời khai của Nông Văn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P triệu tập Nguyễn Đăng M đến làm việc. Quá trình làm việc lấy lời khai của M, tiến hành đối chất giữa M với T thì M thừa nhận ngày 15/11/2020 có mua của T 03 gói ma túy heroine giá 300.000 đồng và đã sử dụng hết cho bản thân. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ của M: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 3535400268220/3, kèm 01 thẻ sim có số thuê bao 0984176655.

Cùng ngày 15/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã thi hành lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nông Văn T tại phòng số 01 nhà nghỉ A thuộc khu L, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Quá trình khám xét không phát hiện và thu giữ gì.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã ra Quyết định trưng cầu giám định chất bột, cục màu trắng chứa trong 09 gói giấy thu giữ của Nông Văn T được niêm phong trong 01 bì giấy dán kín mặt trước bì giấy có ghi “Bì số 1” và dung

dịch màu hồng bám dính trong xi lanh nhựa màu trắng loại 03ml/cc thu giữ của Nông Văn T được niêm phong trong 01 bì giấy dán kín mặt trước bì giấy có ghi “Bì số 2”. Tại bản kết luận giám định số 1170/KLGD ngày 18/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận về vật chứng thu của Nông Văn T:

“Mẫu chất bột, cục màu trắng chứa bên trong 09 gói giấy (niêm phong trong bì số 01) gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng là 0,188 gam, loại Heroine.

Dung dịch màu hồng bám dính bên trong xi lanh nhựa (niêm phong trong bì số 02) gửi giám định tìm thấy ma túy Heroine.

Heroine là chất ma túy nằm trong Danh mục I, số thứ tự 09, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Hoàn lại đối tượng giám định: Bì niêm phong số 01 trả lại: 0,102 gam chất bột, cục màu trắng; bì niêm phong số 02 trả lại 01 xi lanh nhựa màu trắng loại 03ml/cc; cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định; tất cả được niêm phong, dán kín, trong bì giấy có đóng 05 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ và chữ ký của các thành phần liên quan tại các mép dán”.

Về nguồn gốc số ma túy bán và tàng trữ, T khai nhận: Do nghiện ma túy heroine nên trong một lần đi tìm mua ma túy để sử dụng tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, T gặp và quen một nam thanh niên tên H (T không biết địa chỉ ở đâu, T chỉ biết H cũng là người nghiện ma túy). Vào khoảng 12 giờ trưa ngày 14/11/2020, H gọi điện cho T rủ về thị xã P, tỉnh Phú Thọ chơi, T đồng ý và hẹn gặp H ở đường quốc lộ 2 gần ngã tư sân bay Nội Bài, thành phố Hà Nội. Sau đó H đi xe taxi đến đón T về thị xã P, trên đường đi về H nói cho T biết là H có ma túy heroine, khi đi đến quán nước ở gầm cầu thuộc địa phận xã H, thị xã P thì H và T xuống xe vào ngồi nghỉ uống nước. Tại đây T gặp và quen với Nguyễn Đăng M đang ngồi uống nước ở đó, qua nói chuyện M biết T là người sử dụng ma túy nên đã chủ động xin số điện thoại của T. Sau đó T và H đi đến nhà nghỉ A thuộc khu Lũ, xã H, thị xã P thuê phòng số 01 để sử dụng ma túy. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an thị xã P không đủ căn cứ xác định người đàn ông tên H như T đã khai. Vì vậy, Nông Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi bán trái phép 03 gói ma túy, heroin cho Nguyễn Đăng M và hành vi tàng trữ 0,188gam heroin để sử dụng cho bản thân.

Ngày 23/11/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh tạm giam Nông Văn T về hành vi: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 điều 249 và khoản 1 điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn T khai nhận: Bị cáo thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng. Khi bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân ngày 15/11/2020, bị cáo đã tự khai ra hành vi bán trái phép 03 gói ma túy heroin cho anh M trước đó. Nguồn gốc số ma túy bán cho M và số ma túy bị cáo sử dụng cho bản thân là của H là người bạn bị cáo mới quen

nhưng bị cáo không biết họ tên, địa chỉ, cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc này. Bị cáo bị thu giữ: 01 túi nilon màu trắng, bên trong túi nilon có 09 gói giấy là ma túy heroin; 01 chiếc xi lanh nhựa màu trắng, loại 3ml/cc, đã qua sử dụng, bên trong xi lanh có bơm dung dịch màu hồng là xi lanh bị cáo đã sử dụng ma túy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG màu trắng, đã qua sử dụng, lắp 02 thẻ sim có số thuê bao 0387449532 và 0337853471 là điện thoại bị cáo dùng trao đổi bán ma túy cho anh M và 360.000 đồng trong đó có 300.000 đồng tiền bán ma túy cho M và 60.000 đồng là tiền cá nhân của bị cáo. Thẻ sim có số thuê bao 0337853471 không còn giá trị sử dụng bị cáo đề nghị tiêu hủy. Bị cáo lao động tự do, thu nhập thấp, không có tài sản gì có giá trị.

Bản cáo trạng số 14/CT-VKSTXPT ngày 22/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ truy tố bị can Nông Văn T về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 điều 251 của Bộ luật hình sự và tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố không có lời tranh luận và bào chữa nào khác. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn T phạm các tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 điều 251; điểm r, s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 27 tháng tù đến 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 điều 55; khoản 1 điều 38 của Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của bản án là từ 45 tháng tù đến 51 tháng tù về các tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 15/11/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

-Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu: của bị cáo Nông Văn T 01 bì niêm phong số 1170/KLGD ngày 18/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ bên trong có: 0,102 gam chất bột, cục màu trắng; 01 xi lanh nhựa màu trắng loại 03ml/cc; cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định được niêm phong, dán kín trong bì giấy có 05 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ và chữ ký của các thành phần liên quan tại các mép dán; 02 thẻ sim có số thuê bao 0387449532 và 0337853471; của anh Nguyễn Đăng M 01 thẻ sim có số thuê bao 0984176655 để tiêu hủy;

Tịch thu: của bị cáo Nông Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG màu trắng, đã qua sử dụng, số IMEI: 3524036848708; của anh Nguyễn Đăng M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 3535400268220/3 để bán nộp ngân sách nhà nước;

Tịch thu của bị cáo Nông Văn T 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách nhà nước;

Trả lại cho bị cáo Nông Văn T 60.000đ (Sáu mươi nghìn đồng).

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ân hận về hành vi mà bị cáo đã phạm, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng:*

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2].*Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:*

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nông Văn T đã khai nhận: Ngày 15/11/2020, đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và mua bán trái phép chất ma túy, cụ thể: Khoảng 07 giờ, ngày 15/11/2020, tại khu vực gần nhà nghỉ A thuộc khu L, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, Nông Văn T đã bán trái phép 03 gói ma túy Heroine cho Nguyễn Đăng M với giá 300.000 đồng. Số tiền bán ma túy cơ quan điều tra đã thu hồi được. Số ma túy mua được của T, M đã sử dụng hết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Và vào hồi 07 giờ 15 phút, ngày 15/11/2020, tại khu vực gần nhà nghỉ A thuộc khu L, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, Nông Văn T có hành vi tàng trữ trái phép 0,188 gam Heroine để sử dụng cho bản thân nhưng chưa kịp sử dụng thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P phát hiện, thu giữ như trên. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, kết luận trung cầu giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ pháp lý kết luận: Bị cáo Nông Văn T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 điều 251 của Bộ luật hình sự và tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố bị cáo về tội danh cũng như điều luật là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định: ” *Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:...*”

Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định: “*Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

...c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;...”

Đối với Nguyễn Đăng M là người đã thực hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 08/01/2021, Cơ quan công an thị xã Phú Thọ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hình thức: phạt tiền 500.000 đồng đối với M là phù hợp.

Đối với người nam thanh niên tên H dùng số điện thoại 039614850 cùng thuê phòng nhà nghỉ và đưa ma túy cho T cất giữ và bán cho M. T khai không biết địa chỉ người nam thanh niên này. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã tiến hành xác M, xác định số điện thoại 039614850 được đăng ký chủ sở hữu là anh Đỗ Anh T sinh năm 2000, HKTT: Ấp 1, xã D, huyện D, tỉnh Bình Phước. Anh T khai bản thân không sử dụng ma túy, không quen biết Nông Văn T và không cùng T về thị xã P. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý trách nhiệm đối với anh Tú và thanh niên tên H là phù hợp.

Đối với anh Trần Văn S, sinh năm 1974, trú tại khu L, xã H, thị xã P là người quản lý nhà nghỉ A quá trình điều tra đã xác định khi H và T đến thuê phòng số 01 nhà nghỉ Anh T đề nghị thì anh S không biết H và T thuê phòng sử dụng và tàng trữ trái phép chất ma túy. Tuy nhiên trong sổ lưu không ghi rõ tên địa chỉ của đối tượng H nên Cơ quan Công an thị xã P đang lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính anh S theo quy định tại khoản 2 điều 6 Thông tư số 33/2010/TT-BCA ngày 05/10/2010 của Bộ công an là phù hợp.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước được pháp luật hình sự bảo vệ nên cần phải được xử lý nghiêm. Bị cáo là thanh niên có sức khỏe, có hiểu biết xã hội nhưng bị cáo không chịu lao động, làm ăn lương thiện mà lao vào con đường nghiện ma túy dẫn đến có hành vi phạm tội. Vì vậy, bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi đã gây ra, cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Song khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và trong quá trình điều tra bị cáo tự khai nhận ra hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình khi chưa bị phát hiện nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ, người phạm tội tự thú quy định tại điểm r khoản 1 điều 51 Bộ luật

hình sự đối với tội: Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Do vậy, đối với bị cáo cần áp dụng điều 55 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt chung của bản án. Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng chỉ cần áp dụng hình phạt như Viện kiểm sát nhân dân thị xã P đề nghị là phù hợp. Mức án đó cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo sửa chữa được tội lỗi mà bị cáo đã phạm.

[4]. Về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 5 điều 249 và khoản 5 điều 251 của Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Xét thấy, bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp, không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật.

[5]. Về vật chứng và tài sản, đồ vật tạm giữ:

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P thu giữ và chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P gồm:

Đối với 01 bì niêm phong số 1170/KLGD bên ngoài bì giấy có đóng 05 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Phú Thọ và chữ ký của các thành phần liên quan là mẫu vật còn lại được hoàn trả và đồ vật sau khi giám định. Đây là vật nhà nước cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu của bị cáo để tiêu hủy;

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG màu trắng, đã qua sử dụng, số IMEI: 3524036848708, kèm 02 thẻ sim có số thuê bao 0387449532 và 0337853471 thu của T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 3535400268220/3, kèm 01 thẻ sim có số thuê bao 0984176655 thu của Nguyễn Đăng M. Đây là 2 chiếc điện thoại ngày 15/11/2020 M và T dùng để trao đổi mua ma túy nên cần tịch thu điện thoại để bán nộp ngân sách nhà nước, còn 2 chiếc sim điện thoại dùng liên lạc và 01 sim điện thoại số 0337853471 của bị cáo không nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

Đối với số tiền 360.000 đồng thu giữ của bị cáo trong đó: 300.000 đồng là tiền bán ma túy cho M nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước và 60.000 đồng là tiền cá nhân của bị cáo không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo.

[6]. Về án phí: Bị cáo Nông Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 251; điểm r, s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; phạt Nông Văn T 27 (Hai mươi bảy) tháng tù.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; phạt Nông Văn T 18 (Mười tám) tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 điều 55; khoản 1 điều 38 của Bộ luật hình sự;

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nông Văn T phải chấp hành hình phạt chung của bản án là 45 (Bốn mươi lăm) tháng tù về các tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 15/11/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

-Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu: của bị cáo Nông Văn T 01 bì niêm phong số 1170/KLGD ngày 18/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ bên trong có: 0,102 gam chất bột, cục màu trắng; 01 xi lanh nhựa màu trắng loại 03ml/cc; cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định được niêm phong, dán kín trong bì giấy có 05 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ và chữ ký của các thành phần liên quan tại các mép dán, 02 thẻ sim có số thuê bao 0387449532 và 0337853471; của anh Nguyễn Đăng M 01 thẻ sim có số thuê bao 0984176655 để tiêu hủy;

Tịch thu: của bị cáo Nông Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG màu trắng, đã qua sử dụng, số IMEI: 3524036848708; của anh Nguyễn Đăng M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 3535400268220/3 để bán nộp ngân sách nhà nước;

Tịch thu của bị cáo Nông Văn T 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách nhà nước;

Trả lại cho bị cáo Nông Văn T 60.000đ (Sáu mươi nghìn đồng).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Phú Thọ ngày 22/02/2021).

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nông Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- VKSND thị xã, tỉnh;
- Công an thị xã;
- Trại tạm giam;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo; Người CQLNVLQ;
- THAHS, THADS;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thu Hiền